|  |
| --- |
|  |

**ĐIỀU LỆ**

CÔNG TY …………………………………..

Căn cứ vào:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 (sau đây ghi là Luật Doanh nghiệp) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: Hình thức

Công ty được thành lập theo loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do cá nhân làm chủ sở hữu, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chủ sở hữu Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

ĐIỀU 2: Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính, con dấu của Công ty

1. Tên Công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH………..

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: …………….

Tên công ty viết tắt:………………………………….

2. Địa chỉ Trụ sở chính: …………………..

Điện thoại: .............. Fax: …………….

Email: ……………... Website: ………..

3. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài khi có nhu cầu và phải tuân theo các quy định của pháp luật; có thể thành lập liên doanh với các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài khi được sự chấp thuận của Chủ sở hữu Công ty và của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

4. Chủ sở hữu quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty. Công ty quản lý, sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 3: Quyền và nghĩa vụ của Công ty

1. Quyền của Công ty

a) Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.

b) Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.

c) Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

d) Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

e) Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

f) Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

g) Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

h) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.

i) Từ chối yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.

k) Khiếu nại, tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

m) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Công ty

a) Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

c) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

d) Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

e) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

f) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong doanh nghiệp; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

ĐIỀU 4: Ngành, nghề kinh doanh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ngành nghề kinh doanh chính (đánh dấu x vào dòng tương ứng) |
| 1 |  |  |  |

*(Doanh nghiệp ghi ngành nghề và chi tiết ngành nghề theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam)*

ĐIỀU 5: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ: ……………VNĐ (bằng chữ:….)

2. Loại tài sản góp vốn: Tiền mặt

3. Thời hạn góp vốn điều lệ: trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Trong thời hạn này, chủ sở hữu công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với phần vốn góp đã cam kết.

4. Thay đổi vốn điều lệ:

a) Tăng vốn điều lệ:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tăng vốn điều lệ thông qua việc chủ sở hữu công ty góp thêm vốn hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu công ty quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ.

- Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần. Việc tổ chức quản lý công ty được thực hiện như sau:

+ Trường hợp tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thì công ty phải thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ;

+ Trường hợp chuyển đổi thành công ty cổ phần thì công ty thực hiện theo quy định tại Điều 202 của Luật Doanh nghiệp.

b) Giảm vốn điều lệ:

- Trường hợp không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này, chủ sở hữu công ty phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ bằng giá trị số vốn đã góp trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ. Chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày cuối cùng công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ theo quy định.

Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ theo quy định tại khoản 3 Điều này.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên giảm vốn điều lệ khi hoàn trả một phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả phần vốn góp cho chủ sở hữu công ty.

CHƯƠNG II: TỔ CHỨC – QUẢN LÝ – HOẠT ĐỘNG

ĐIỀU 6: Cơ cấu tổ chức quản lý công ty

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu được tổ chức và quản lý theo mô hình: Chủ tịch công ty, Giám đốc.

2. Chủ sở hữu công ty là Chủ tịch công ty và có thể kiêm hoặc bổ nhiệm người khác làm Giám đốc.

3. Quyền, nghĩa vụ của Giám đốc được quy định tại Điều lệ công ty và hợp đồng lao động.

ĐIỀU 7: Chủ sở hữu

1. Chủ sở hữu của Công ty là ông/bà………………………………………………

Ngày sinh:…………........ Giới tính:…………………………………

Quốc tịch:……………….. Dân tộc:…………………………………...

Số CMND/CCCD/HC:………do………..cấp ngày……………………………….

Địa chỉ thường trú:…………………………………………………………………

Địa chỉ chỗ ở hiện tại:………………………………………………………………

2. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu

a. Quyền của chủ sở hữu:

- Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

- Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác; quyết định phát hành trái phiếu;

- Quyết định đầu tư kinh doanh, quản trị nội bộ công ty.

- Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

- Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

- Quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty;

- Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

b. Nghĩa vụ của chủ sở hữu:

- Góp đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.

- Tuân thủ Điều lệ công ty.

- Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty với tài sản của công ty, phải tách biệt chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với chi tiêu của Chủ tịch công ty, Giám đốc .

- Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê, hợp đồng, giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.

- Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu công ty và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

- Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Quyền của chủ sở hữu công ty trong một số trường hợp đặc biệt

a) Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân khác hoặc công ty kết nạp thêm thành viên mới thì công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng, tặng cho hoặc kết nạp thành viên mới.

b) Trường hợp chủ sở hữu công ty bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc thì ủy quyền cho người khác thực hiện một số hoặc tất cả quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty.

c) Trường hợp chủ sở hữu công ty chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là chủ sở hữu công ty hoặc thành viên công ty. Công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc giải quyết thừa kế. Trường hợp chủ sở hữu công ty chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp của chủ sở hữu được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

d) Trường hợp chủ sở hữu công ty mất tích thì phần vốn góp của chủ sở hữu được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

e) Trường hợp chủ sở hữu công ty bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty được thực hiện thông qua người đại diện.

f) Trường hợp chủ sở hữu công ty mà bị Tòa án cấm hành nghề, làm công việc nhất định hoặc chủ sở hữu công ty là pháp nhân thương mại bị Tòa án cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định thuộc phạm vi ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp thì cá nhân đó không được hành nghề, làm công việc nhất định tại công ty đó hoặc công ty tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề có liên quan theo quyết định của Tòa án.

ĐIỀU 8: Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

a) Công ty có 01 người là người đại diện theo pháp luật;

b) Chức danh của người đại diện theo pháp luật là: Giám đốc. Các giấy tờ giao dịch phải ghi rõ điều đó.

c) Người đại diện theo pháp luật của công ty phải có mặt tại Việt Nam. Nếu người đại diện theo pháp luật của công ty vắng mặt tại Việt Nam quá quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì chủ sở hữu công ty cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

d) Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản Điểm c Khoản 7.1 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người này trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Chủ sở hữu quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

7.2. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

a) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

- Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định nêu trên.

ĐIỀU 9: Chủ tịch công ty

1. Chủ sở hữu công ty là Chủ tịch công ty. Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan .

2. Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty.

c) Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d)Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan

ĐIỀU 10: Giám đốc

1. Chủ tịch công ty bổ nhiệm Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật Chủ tịch công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chủ tịch công ty có thể kiêm Giám đốc.

2. Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế tương ứng trong quản trị kinh doanh

3. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

a) Giám đốc Công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Giám đốc Công ty có quyền sau:

- Tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch công ty;

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

- Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

- Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;

- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Chủ tịch công ty;

- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- Tuyển dụng lao động;

- Thực hiện các quyền khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Nghĩa vụ của Giám đốc Công ty

- Tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và chủ sở hữu Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty và chủ sở hữu Công ty, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty;

- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

ĐIỀU 11: Người đại diện theo ủy quyền của công ty

1. Người đại diện theo ủy quyền của công ty phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

đ) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty và của người đại diện theo ủy quyền.

4. Người đại diện theo ủy quyền phải không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

5. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền

a) Nhân danh công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của công ty cử đại diện.

c) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước công ty cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

ĐIỀU 12: Bộ máy giúp việc

1. Giúp việc Giám đốc có 1 Phó giám đốc. Phó giám đốc điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, trước Chủ tịch Công ty và pháp luật về nhiệm vụ được giao thực hiện .

2. Kế toán trưởng Công ty giúp Giám đốc chỉ đạo tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng tuân theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 13: Quản lý lao động

1. Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty theo chế độ Hợp đồng lao động, được hưởng các quyền và có các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật lao động của Nước CHXHCN Việt Nam, Nội quy lao động và Quy chế lương thưởng của Công ty.

2. Giám đốc Công ty là người quyết định tuyển dụng lao động, trên cơ sở người lao động có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn phù hợp với công việc và theo quy chế do Chủ sở hữu công ty ban hành.

ĐIỀU 14: Hợp đồng, giao dịch trong hoạt động của công ty.

Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với chủ sở hữu công ty hoặc người có liên quan của chủ sở hữu công ty phải được ghi chép lại và lưu giữ thành hồ sơ riêng của công ty.

CHƯƠNG III : TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

ĐIỀU 15: Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Riêng năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm đó.

2. Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định của Pháp lệnh kế toán, thống kê và các hướng dẫn của Bộ tài chính.

3.Việc thu chi tài chính của Công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty nộp các báo cáo tài chính theo quy định pháp luật

ĐIỀU 16: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty

1. Người quản lý công ty được hưởng thù lao hoặc tiền lương và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.

2. Chủ sở hữu công ty quyết định mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật có liên quan và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

ĐIỀU 17: Phân chia lợi nhuận của công ty và phương án xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Phân chia lợi nhuận

a) Chủ sở hữu của Công ty chỉ được rút lợi nhuận của Công ty khi Công ty thanh toán đủ các khoản và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thanh toán lương và các khoản nợ khác, đã trích lập các quỹ bắt buộc:

b) Hàng năm, sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các Quỹ sau đây:

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5%

Quỹ phát triển kinh doanh: 5%

Quỹ khen thưởng phúc lợi : 5%

Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

c) Các quỹ khác sẽ do Chủ sở hữu Công ty quyết định tuỳ thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Phương án xử lý lỗ trong kinh doanh: Trong trường hợp công ty kinh doanh lỗ 6 tháng liền thì Chủ sở hữu Công ty triệu tập cuộc họp bất thường để đưa ra phương án giải quyết:

- Xem xét lại phương án kinh doanh đã thực hiện đưa ra phương án kinh doanh;

- Trong trường hợp cần vốn đầu tư để vực lại hoạt động kinh doanh đang thua lỗ thì Chủ sở hữu Công ty sẽ xem xét khả năng tài chính, mức khả thi của phương án kinh doanh để quyết định tiếp tục đầu tư hay không;

- Nếu trong vòng một năm mà Công ty thua lỗ liên tiếp mặc dù đã thực hiện mọi biện pháp để vực dậy kinh tế của Công ty thì Chủ sở hữu công ty sẽ quyết định việc ngừng hoạt động của công ty để khôi phục lại hoạt động kinh doanh, nếu trong trường hợp sau thời gian tạm ngừng Công ty vẫn không kinh doanh có lãi thì chủ sở hữu ra quyết định giải thể Doanh nghiệp.

3. Các khoản nợ của Công ty được thanh toán theo thứ tự như sau:

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của Pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và Hợp đồng lao động đã ký kết.

b) Nợ thuế và các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại thuộc về chủ sở hữu Công ty;

Trình tự, thủ tục giải thể theo Điều 19 của Điều lệ và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, GIẢI THỂ,

THANH LÝ, PHÁ SẢN

ĐIỀU 18: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi có tranh chấp nội bộ, Công ty có thể giải quyết trên phương thức tự thoả thuận nội bộ, nếu không được sẽ thông qua cơ quan pháp luật có thẩm quyền.

2. Khi có phát sinh tranh chấp bên ngoài, Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng tranh chấp. Đại diện hợp pháp của Công ty sẽ đại diện cho Công ty trước pháp luật.

ĐIỀU 19: Giải thể công ty

1. Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của chủ chủ sở hữu công ty;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án

2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

3. Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp

ĐIỀU 20: Thanh lý tài sản

1. Chủ sở hữu công ty trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản của Công ty thông qua tổ thanh lý tài sản.

2. Chủ sở hữu Công ty lập tổ thanh lý tài sản. Thành viên của Tổ thanh lý tài sản do Chủ sở hữu Công ty quyết định.

- Quyền của tổ thanh lý tài sản:

+ Kiểm kê, xác định số lượng tài sản hiện có của Công ty.

+ Lập danh sách chủ nợ và số nợ phải trả (nếu có).

+ Lập danh sách người còn nợ công ty và số nợ phải thu (nếu có).

- Nghĩa vụ của Tổ thanh lý tài sản:

+ Quản lý tài sản của Công ty.

+ Tiến hành phân loại tài sản.

+ Thanh lý hợp đồng cho chủ sở hữu đối với tài sản thuê, mượn, nhận giữ hộ, ký gửi.

+ Thanh lý tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty.

3. Sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính, trả các khoản nợ (nếu có) số tài sản còn lại sẽ thuộc quyền sở hữu của chủ sở hữu công ty.

ĐIỀU 21: Phá sản

Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản Doanh nghiệp.

CHƯƠNG V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

ĐIỀU 22: Đối tượng và nguyên tắc áp dụng

1. Điều lệ này được áp dụng cho Công ty. Mọi nhân viên trong Công ty có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh điều lệ này.

2. Các nội dung khác không quy định tại Điều lệ này được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và quy định của pháp luật khác có liên quan.

ĐIỀU 23: Sửa đổi bổ sung

Điều lệ này có thể được sửa đổi, bổ sung theo quyết định của chủ sở hữu Công ty.

ĐIỀU 24: Hiệu lực

Điều lệ này được lập thành 5 chương, 24 điều và được Chủ sở hữu Công ty thông qua và ban hành ngày…. tháng…năm …..

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký.

|  |  |
| --- | --- |
|  | CHỦ SỞ HỮU CỦA CÔNG TY |